

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS - ST
Ngày: 16-01-2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Động**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lại Trung T**, sinh năm: 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Số xxxx, Bùì X, Khu phố A, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông **Trần Văn L**, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2024 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa nguyên đơn ông Lại Trung T trình bày:

Vào ngày 24/3/2024 ông Lại Trung T có cho ông Trần Văn L vay số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) để trả tiền mua lúa, gạo, khi vay ông L cam kết 5 ngày sau sẽ trả lại cho ông T số tiền trên, nhưng đến ngày hẹn trả nợ ông L không trả tiền, ông T gọi điện thoại đòi nhiều lần nhưng ông L hẹn lần này đến lần khác mà không trả khoản nợ trên cho ông T.

Tại phiên tòa ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ông yêu cầu ông Trần Văn L trả cho ông số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật 10%/năm từ ngày 24/3/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông T chỉ yêu cầu một mình ông L trả số tiền trên.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông Trần Văn L tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông L không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lại Trung T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L trả số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật 10%/năm từ ngày 24/3/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn L.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lại Trung T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L trả số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật 10%/năm từ ngày 24/3/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử xét thấy.

Vào ngày 24/3/2024 ông Trần Văn L có hỏi vay của ông Lại Trung T số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) khi vay hai bên có làm biên nhận nợ ông L cam kết 5 ngày sau sẽ hoàn trả số tiền trên cho ông Lại Trung T nhưng đến hạn trả nợ ông L không trả, ông T có gọi điện đòi nhiều lần nhưng ông L chỉ hứa hẹn mà không chịu trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông L trả số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật 10%/năm từ ngày 24/3/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T cung cấp 01 biên nhận nợ đề ngày 24/3/2024 do ông L viết và ký tên.

[5] Xét biên nhận ngày 24/3/2024 giữa ông Lại Trung T và ông Trần Văn L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hai bên tự nguyện viết giấy nợ, không bị lừa dối, hay cưỡng ép, không

trái đạo đức xã hội là phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi làm biên nhận ông L đã nhận đủ tiền và cam kết trả nợ đúng thời hạn như hai bên đã cam kết. Đến thời hạn thanh toán tiền ông L không chịu thanh toán, ông T có đến nhà nhắc nhở nhiều lần nhưng ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà cố tình tránh né. Việc ông L không trả tiền cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Tại phiên tòa ông T yêu cầu ông L trả cho ông số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật 10%/năm từ ngày 24/3/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.1] Xét yêu cầu tính lãi của ông T Hội đồng xét xử xét thấy theo biên nhận nợ ngày 24/3/2024 có chữ ký của ông Trần Văn L mặc dù hai bên có ký xác nhận công nợ nhưng trong giấy xác nhận nợ không thỏa thuận lãi suất do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền để xác định lãi suất như sau:

Từ ngày xác nhận công nợ ngày 24/3/2024 đến ngày 16/01/2025 là 9 tháng 23 ngày. Nhưng tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất làm tròn 9 tháng đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên HĐXX ghi nhận.

$$\text{Gốc } 120.000.000\text{đ} \times 10\%/\text{năm} \times 9 \text{ tháng} = 9.000.000\text{đ}$$

$$\text{Gốc } 120.000.000\text{đ} + \text{số tiền lãi } 9.000.000\text{đ} = 129.000.000\text{đ}$$

[6] Đối với bị đơn ông Trần Văn L sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có ý kiến trình bày.

Theo quy định tại khoản 2 điểm a, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định.

“ Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ”

Ngày 18/11/2024 Toà án có thông báo số 219/TB-TA cho ông L thực hiện cung cấp tài liệu, chứng cứ và thực hiện yêu cầu phản tố và trưng cầu giám định chữ ký đối với biên nhận vay tiền do ông Lại Trung T cung cấp cho Toà án nhưng đến nay ông L không có ý kiến phản tố và không thực hiện việc yêu cầu giám định chữ ký như Toà án đã tổng đạt cho ông L. Nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Từ những cơ sở nêu trên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lại Trung T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L trả tổng số tiền là 129.000.000đ (*Một trăm hai mươi chín triệu đồng*). Trong đó số tiền gốc là 120.000.000đ (*Một trăm hai triệu đồng*), tiền lãi là 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là 129.000.000đ (*Một trăm hai mươi chín triệu đồng*)

Án phí tính như sau: $129.000.000đ \times 5\% = 6.450.000đ$ (*Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Yêu cầu của ông Lại Trung T được chấp nhận nên ông T không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho ông Lại Trung T số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007063 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Trần Văn L phải nộp số tiền án phí 6.450.000đ (*Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 351, 357, Điều 463, Điều 466, và 468 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lại Trung T.

2. Buộc ông Trần Văn Lợi trả cho ông Lại Trung T tổng số tiền là 129.000.000đ (*Một trăm hai mươi chín triệu đồng*). Trong đó số tiền gốc là 120.000.000đ (*Một trăm hai triệu đồng*), tiền lãi là 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Trả lại cho ông Lại Trung T số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007063 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Trần Văn L phải nộp số tiền án phí 6.450.000đ (*Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Ông Lại Trung T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

